

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY TIẾP CẬN CDIO
THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

*(Ban hành theo quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10 /9/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

Nghệ An, năm 2021

PHỤ LỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾP CẬN CDIO

TT	Nội dung	Đơn vị quản lý	Trang
1	Quyết định ban hành chương trình đào tạo	Trường Đại học Vinh	1
2	Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo	Trường Đại học Vinh	3
3	Báo chí	Trường KH XH&NV	7
4	Chính trị học	Trường KH XH&NV	9
5	Công tác xã hội	Trường KH XH&NV	11
6	Du lịch	Trường KH XH&NV	13
7	Luật	Trường KH XH&NV	16
8	Luật kinh tế	Trường KH XH&NV	18
9	Quản lý nhà nước	Trường KH XH&NV	20
10	Kế toán	Trường Kinh tế	22
11	Kinh tế	Trường Kinh tế	24
12	Quản trị kinh doanh	Trường Kinh tế	26
13	Quản trị kinh doanh_CLC	Trường Kinh tế	28
14	Tài chính - Ngân hàng	Trường Kinh tế	30
15	Thương mại điện tử	Trường Kinh tế	32
16	Giáo dục Chính trị	Trường Sư phạm	34
17	Giáo dục Mầm non	Trường Sư phạm	36
18	Giáo dục Tiểu học	Trường Sư phạm	38
19	Sư phạm Địa lý	Trường Sư phạm	40
20	Sư phạm Hóa học	Trường Sư phạm	42
21	Sư phạm Lịch sử	Trường Sư phạm	34
22	Sư phạm Ngữ văn	Trường Sư phạm	46
23	Sư phạm Sinh học	Trường Sư phạm	48
24	Sư phạm Tin học	Trường Sư phạm	50
25	Sư phạm Toán học	Trường Sư phạm	52
26	Sư phạm Toán học_CLC	Trường Sư phạm	54
27	Sư phạm Vật lý	Trường Sư phạm	57
28	Khoa học dữ liệu và thống kê	Trường Sư phạm	59
29	Quản lý giáo dục	Trường Sư phạm	61
30	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Khoa GDQP - AN	63
31	Giáo dục Thể chất	Khoa Giáo dục Thể chất	65
32	Sư phạm Tiếng Anh (<i>SP Tiếng Anh tài năng</i>)	Khoa SP Ngoại ngữ	67
33	Ngôn ngữ Anh	Khoa SP Ngoại ngữ	69
34	Kinh tế xây dựng	Khoa Xây dựng	71
35	Kỹ thuật xây dựng	Khoa Xây dựng	73
36	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khoa Xây dựng	75
37	Điều dưỡng	Viện CN HS-MT	77
38	Công nghệ sinh học	Viện CN HS-MT	79
39	Công nghệ thực phẩm	Viện CN HS-MT	81
40	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Viện KT&CN	83
41	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Viện KT&CN	85

TT	Nội dung	Đơn vị quản lý	Trang
42	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Viện KT&CN	87
43	Công nghệ thông tin	Viện KT&CN	89
44	Công nghệ thông tin_CLC	Viện KT&CN	91
45	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Viện KT&CN	93
46	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Viện KT&CN	95
47	Kỹ thuật phần mềm	Viện KT&CN	97
48	Chăn nuôi	Viện NN&TN	99
49	Nuôi trồng thủy sản	Viện NN&TN	101
50	Quản lý tài nguyên và môi trường	Viện NN&TN	103
51	Chăn nuôi (chuyên ngành Thú y)	Viện NN&TN	105
52	Nông học	Viện NN&TN	107
53	Quản lý đất đai	Viện NN&TN	109
54	Quản lý văn hoá	Trường KH XH&NV	111
55	Khoa học máy tính	Viện KT&CN	113
56	Kỹ thuật điện tử và tin học	Viện KT&CN	115

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2033** /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày **10** tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình giáo dục đại học chính quy tiếp cận CDIO
theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo các ngành về việc xây dựng chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình giáo dục đại học chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ cho các ngành đào tạo (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chương trình giáo dục đại học chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ được áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm học 2021 - 2022 trở đi.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp;
Trưởng các trường, khoa, viện và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết
định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng



HƯỚNG DẪN

Thực hiện chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021)

Nhà trường đã có Quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021 ban hành Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021 (khóa 62). Đề các trường, khoa, viện và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện, Nhà trường hướng dẫn như sau:

1. Chương trình giáo dục đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021 (khóa 62) trở đi, trong đó:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa đối với hệ 4 năm là 126 tín chỉ, tối đa 38 học phần, đối với hệ 5 năm là 150 tín chỉ, tối đa 46 học phần (không bao gồm kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

- Chương trình đào tạo đại học liên thông chính quy là chương trình đào tạo đại học chính quy đang áp dụng tại trường Đại học Vinh.

Đối với các khóa đào tạo đại học chính quy từ năm 2020 trở về trước được thực hiện theo chương trình đào tạo đã ban hành trước ngày 10/9/2021.

2. Tỷ lệ giờ lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành, thí nghiệm, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp và thực tập tốt nghiệp đã được ghi ở cột "Tỷ lệ lý thuyết/thực hành thí nghiệm/T.luận, bài tập/đồ án môn học/đồ án tốt nghiệp và thực tập tốt nghiệp.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 15 giờ chuẩn (sau đây viết tắt là giờ) giảng dạy lý thuyết; 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; 60 giờ kiến tập, thực tập thực tế, thực địa, làm tiểu luận/đồ án.

- Một giờ được tính bằng 50 phút.

- Để hoàn thành thời lượng 1 tín chỉ theo khung chương trình đào tạo cần dành ít nhất 30 giờ tự học.

b) Một tín chỉ học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh được tính bằng 15 giờ giảng thực hành hoặc giờ giảng lý thuyết kết hợp làm mẫu ở thao trường.

3. Hình thức tổ chức dạy học

3.1. Hình thức tổ chức dạy học được triển khai theo mô hình "Dạy học kết hợp" (Blended learning) nhằm mục tiêu hướng đến cá nhân hóa, học tập chủ động; đảm bảo sự linh hoạt cho hoạt động dạy và học; tăng thời gian trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học; phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Nhà trường.

3.2. Dạy học kết hợp ở Trường Đại học Vinh là hình thức tổ chức dạy học có sự kết hợp giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến. Thời lượng tổ chức dạy học trực tuyến tối đa bằng 30% tổng thời lượng của chương trình đào tạo.

3.3. Nhà trường có văn bản quy định chi tiết về triển khai hình thức tổ chức dạy học kết hợp kể từ năm học 2021 - 2022.

4. Kiến thức Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng an ninh

4.1 Kiến thức Giáo dục thể chất cho sinh viên không chuyên: Được tích hợp thành một học phần 5 tín chỉ, mã học phần SPO10001 gồm 1 tín chỉ lý thuyết và 4 tín chỉ thực hành do khoa Giáo dục Thể chất phụ trách.

Điểm đạt cấp chứng chỉ $\geq 5,0$ điểm (theo thang điểm 10).

4.2. Kiến thức Giáo dục Quốc phòng - An ninh (cho các ngành không chuyên): gồm 4 học phần 8 tín chỉ do Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh Trường Đại học Vinh phụ trách, cụ thể:

- Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam): 2 tín chỉ, mã học phần NAP11001.

- Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác quốc phòng và an ninh): 2 tín chỉ, mã học phần NAP11002.

- Giáo dục quốc phòng 3 (Quân sự chung): 2 tín chỉ, mã học phần NAP11003.

- Giáo dục quốc phòng 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và Chiến thuật): 2 tín chỉ, mã học phần NAP11004.

Điểm tổng kết của từng học phần $\geq 5,0$ điểm (tính theo thang điểm 10) thì được cấp chứng chỉ.

Học phần Giáo dục Thể chất và các học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh thường được bố trí học trong khoảng thời gian từ học kỳ 1 đến học kỳ 3 do Nhà trường quyết định cho từng ngành, từng khóa; được thực hiện dưới sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của Phòng Đào tạo.

Kết quả học tập Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh không tính vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa mà được tính để cấp các chứng chỉ xét điều kiện tốt nghiệp cho sinh viên.

5. Kiến thức Ngoại ngữ:

- Đối với sinh viên Việt Nam: Sinh viên hoàn thành 2 học phần Tiếng Anh 1 (3 tín chỉ) và Tiếng Anh 2 (4 tín chỉ). Sinh viên các ngành Sư phạm tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, kiến thức ngoại ngữ được thay thế bằng ngoại ngữ thứ 2.

Sinh viên có thể lựa chọn tiếng Pháp hoặc tiếng Nga hoặc tiếng Trung với thời lượng tương đương để thay thế.

- Đối với sinh viên nước ngoài: Sinh viên hoàn thành 2 học phần: Tiếng Việt 1 (3 tín chỉ) và Tiếng Việt 2 (4 tín chỉ) dành cho sinh viên người nước ngoài sẽ được công nhận kết quả về kiến thức Ngoại ngữ.

6. Chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ, CNTT và Kỹ năng mềm

Đề được xét tốt nghiệp sinh viên cần đạt được trình độ ngoại ngữ B1 (bậc 3) theo khung tham chiếu Châu Âu, trình độ CNTT trình độ nâng cao và hoàn thành chương trình đào tạo Kỹ năng mềm.

Đối với ngành Sư phạm tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh thì sinh viên cần đạt được trình độ ngoại ngữ C1 (bậc 5) cho tiếng Anh và trình độ B1 (bậc 3) cho ngoại ngữ thứ 2 theo khung tham chiếu Châu Âu.

Sinh viên nước ngoài sử dụng chứng chỉ tiếng Việt để thay thế cho chứng chỉ ngoại ngữ.

7. Tổ chức thực hiện

7.1. Quản lý sinh viên

Sinh viên trúng tuyển, nhập học được nhà trường sắp xếp vào học các ngành đào tạo theo nguyện vọng đăng ký xét tuyển. Sau khi nhập học, nếu sinh viên có nguyện vọng chuyển ngành học phải đảm bảo các điều kiện được quy định tại Khoản 1 điều 19 của Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Vinh (*Ban hành kèm theo Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 9 tháng 9 năm 2021*).

7.2. Tổ chức dạy học

a) Lập kế hoạch dạy học:

Căn cứ vào chương trình đào tạo Hiệu trưởng đã phê duyệt, Phòng Đào tạo phối hợp với các đơn vị đào tạo và các đơn vị liên quan lập kế hoạch giảng dạy cho từng học phần.

Giảng viên có trách nhiệm giảng dạy đầy đủ các nội dung của từng học phần trong Đề cương chi tiết học phần và phải cung cấp Đề cương chi tiết, tài liệu tham khảo cho sinh viên vào tuần học đầu tiên của học kỳ. Nhà trường và các khoa, các viện đào tạo có trách nhiệm theo dõi kiểm tra việc thực hiện nề nếp, nội dung dạy, học và thi kết thúc học phần theo quy định.

b) Tổ chức đăng ký học:

Sinh viên đăng ký học các học phần theo từng học kỳ qua mạng Internet.

Hai học kỳ đầu sinh viên được Nhà trường và các khoa chủ quản tổ chức đăng ký học và học các lớp học phần theo ngành hoặc nhóm ngành.

Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa, viện đào tạo chủ quản, các đơn vị liên quan chỉ đạo các Trưởng bộ môn, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, giảng viên,... hướng dẫn, tư vấn và tổ chức đăng ký học cho sinh viên trước mỗi học kỳ.

8. Học cùng lúc hai chương trình

Sinh viên có nguyện vọng học cùng lúc hai chương trình được thực hiện theo Điều 17 của Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Vinh (*Ban hành kèm theo Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 9 tháng 9 năm 2021*).

9. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

Sinh viên liên thông và sinh viên học cùng lúc hai chương trình,... được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ theo Điều 18 của Quy định đào tạo trình độ

đại học của Trường Đại học Vinh (*Ban hành kèm theo Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 9 tháng 9 năm 2021*).

10. Đánh giá và tính điểm học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá dựa trên chuẩn đầu ra, phù hợp với chương trình đào tạo tiếp cận CDIO, tương thích với hình thức tổ chức dạy học kết hợp.

Điểm đánh giá học phần gồm điểm đánh giá quá trình chiếm trọng số 50% và điểm thi cuối kỳ chiếm trọng số 50% (trừ các học phần như thực tập thực tế, đồ án,... được quy định trong đề cương chi tiết học phần).

11. Việc tổ chức dạy học, xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên khóa 62 được thực hiện theo đúng Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Vinh (*Ban hành kèm theo Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 9 tháng 9 năm 2021*), các khóa tuyển sinh từ năm 2020 trở về trước việc xét công nhận tốt nghiệp thực hiện theo Quy định 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 và Quyết định 868/QĐ-ĐHV ngày 02/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo khóa 62. Trong quá trình thực hiện, nếu cần bổ sung, điều chỉnh, các khoa, viện đào tạo đề xuất với Nhà trường (*qua Phòng Đào tạo*) bằng văn bản để Nhà trường xem xét./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các trường, khoa, viện;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: HCTH, ĐT



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TIẾP CẬN CDIO

Ngành: Công tác xã hội

(Ban hành theo Quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	(1) Lý thuyết/ (2) Thực hành, thực tập / (3) Thảo luận, Bài tập/ (4) Học phần dự án/ (5) Thực tập TN/ (6) Đồ án TN						Học kỳ	Loại học phần	Đơn vị phụ trách (Khoa/Viện)
		KIẾN THỨC BẮT BUỘC		1	2	3	4	5	6			
1	SSH20001	Nhập môn nhóm ngành Xã hội và Nhân văn	3				45			1	Bắt buộc	Trường KHXH&NV
2	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	30		15				1	Bắt buộc	Ngữ văn
3	SOW30003	Hành vi con người và môi trường xã hội	3	30		15				1	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
4	EDU20004	Tâm lý học đại cương	3	30		15				1	Bắt buộc	Tâm lý - Giáo dục
5	ENG10001	Tiếng Anh 1	3	30		15				1	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
6	POL11001	Triết học Mác - Lênin	3	30		15				1	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
7	POL11002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20		10				2	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
8	SOW31006	Lý thuyết công tác xã hội	3	30		15				2	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
9	SOW31016	Quản trị ngành Công tác xã hội	4				60			2	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
10	INF20002	Tin học	3	30	15					2	Bắt buộc	Viện KT&CN
11	SOW20001	Xã hội học đại cương	3	30		15				2	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
12	LAW30036	Xây dựng văn bản pháp luật	3	30		15				2	Bắt buộc	Luật học
	NAP11001	Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam)	(2)	30						(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
	NAP11002	Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)	(2)	30						(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
	NAP11003	Giáo dục quốc phòng 3 (Quân sự chung)	(2)	15	15					(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
	NAP11004	Giáo dục quốc phòng 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và Chiến thuật)	(2)	4	26					(1-3)	Bắt buộc	GDQP-AN
	SPO10001	Giáo dục thể chất	(5)	15	60					(1-3)	Bắt buộc	Giáo dục thể chất
13	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20		10				3	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
14	SOW30032	Thiết kế nghiên cứu Công tác xã hội	3	30		15				3	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
15	HIS20004	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3	30		15				3	Bắt buộc	Lịch sử
16	ENG10002	Tiếng Anh 2	4	45		15				3	Bắt buộc	SP Ngoại ngữ
17		Tự chọn 1	3							3	Tự chọn	
18	SOW30001	An sinh xã hội	3	30		15				4	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
19	SOW30002	Chính sách xã hội	3	30		15				4	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
20	POL11004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20		10				4	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
21	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	3	30		15				4	Bắt buộc	Lịch sử
22	SOW31011	Thực hành nghiên cứu Công tác xã hội	4				60			4	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
23	SOW30008	Công tác xã hội với cá nhân	4	40		20				5	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
24	SOW30009	Công tác xã hội với nhóm	4	40		20				5	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
25	SOW30033	Giới và phát triển	3	30		15				5	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
26	SOW31012	Thực tế chuyên môn Công tác xã hội	4				60			5	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
27	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20		10				5	Bắt buộc	Giáo dục chính trị
28	SOW31019	Công tác xã hội trong bệnh viện	3	20		25				6	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
29	SOW31026	Công tác xã hội với trẻ em	3	20		25				6	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
30	SOW30015	Phát triển cộng đồng	4	40		20				6	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
31	SOW31010	Tham vấn trong Công tác xã hội	3	30		15				6	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
32	SOW30017	Thực hành Công tác xã hội cá nhân và nhóm	5				75			6	Bắt buộc	Du lịch &CTXH

Nhóm kiến thức về văn hóa du lịch

1	TOU30050	Giao tiếp trong lĩnh vực văn hóa du lịch	4	40		20				6	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
2	TOU30052	Quản lý nhà nước về du lịch	4	40		20				6	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
3	TOU30054	Thuyết minh du lịch tại điểm	4				60			6	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
4	TOU30055	Du lịch bền vững	4	40		20				7	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
5	TOU31044	Du lịch sinh thái	4	40		20				7	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
6	TOU30039	Lễ hội Việt Nam	4	40		20				7	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
7	TOU31043	Marketing trong lĩnh vực văn hóa du lịch	4	40		20				7	Bắt buộc	Du lịch &CTXH
8	TOU30045	Thực hành kỹ năng văn hóa du lịch	4				60			7	Bắt buộc	Du lịch &CTXH

HIỆU TRƯỞNG 

 

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng